

Số: /SCT-TMXNK

Khánh Hòa, ngày tháng 5 năm 2023

V/v đăng ký tham gia Chương trình “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022.

Kính gửi: Các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Thực hiện Văn bản số 3028/BCT-XNK ngày 19/5/2023 của Bộ Công Thương về việc xét chọn “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022, Sở Công Thương triển khai đến các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đăng ký tham gia Chương trình “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022 do Bộ Công Thương tổ chức, cụ thể như sau:

### **1. Mục tiêu Chương trình:**

Ghi nhận sự đóng góp tích cực của các doanh nghiệp trong tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam, đồng thời góp phần giới thiệu, quảng bá các doanh nghiệp xuất khẩu có uy tín của Việt Nam với đối tác nước ngoài.

### **2. Căn cứ xét chọn:**

Việc xét chọn được triển khai theo Quy chế xét chọn Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín ban hành kèm theo Quyết định số 911/QĐ-BCT ngày 12/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và văn bản số 3028/BCT-XNK ngày 19/5/2023 của Bộ Công Thương về việc xét chọn “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022. Tiêu chí xét chọn cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp xuất khẩu trực tiếp và có lãi năm 2022;
- Tại thời điểm xét chọn, doanh nghiệp không bị cưỡng chế ngừng làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa, không nợ đọng thuế, không vi phạm pháp luật về môi trường; không vi phạm pháp luật Việt Nam, không bị các đối tác trong và ngoài nước khiếu kiện về thực hiện nghĩa vụ hợp đồng; thực hiện nghiêm túc hợp đồng xuất khẩu;
- Đạt mức kim ngạch xuất khẩu tối thiểu đối với từng nhóm hàng (*tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022*): Theo Phụ lục đính kèm.

### **3. Hồ sơ đăng ký xét chọn:**

Doanh nghiệp tiến hành rà soát đối chiếu với các tiêu chí nêu trên, nếu thấy đạt đủ các tiêu chí xét chọn thì lập hồ sơ đăng ký tham gia gửi đến Sở Công Thương Khánh Hòa để Sở tổ chức xét chọn và báo cáo kết quả xét chọn về Bộ Công Thương theo quy định.

Hồ sơ đăng ký xét chọn bao gồm:

- Đơn đăng ký Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín (*theo mẫu đính kèm*): **01 bản chính**. Phần thông tin chung về doanh nghiệp để phục vụ quảng bá, giới thiệu Doanh nghiệp tới các đối tác nhập khẩu nước ngoài, đề nghị Doanh nghiệp điền đầy đủ thông tin liên quan bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh theo mẫu.

(*Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký xét chọn nhiều mặt hàng thì Đơn đăng ký của doanh nghiệp phải kê khai cụ thể từng mặt hàng*).

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư: **01 bản sao** có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của doanh nghiệp;

- Bản sao các Bằng khen, Giấy chứng nhận về các giải thưởng mà doanh nghiệp được khen thưởng trong năm 2022 (nếu có); Báo cáo kim ngạch xuất khẩu năm 2022 của doanh nghiệp.

#### **4. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ:**

Đề nghị doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký tham gia về Sở Công Thương Khánh Hòa (*địa chỉ: Khu liên cơ 2, số 04 Phan Chu Trinh, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa*) **chậm nhất là ngày 16/6/2023** để Sở tiến hành xét chọn và gửi kết quả xét chọn về Bộ Công Thương theo thời gian quy định. Hồ sơ nộp sau thời điểm trên, Sở Công Thương sẽ không chịu trách nhiệm xét chọn.

Trong quá trình lập hồ sơ, nếu có gì vướng mắc hoặc cần biết thêm chi tiết, đề nghị doanh nghiệp liên hệ Phòng QL.Thương mại - Xuất nhập khẩu, điện thoại 0258.3822421 – 0978.221.879 (*gặp Ms.Hồng*) để được hướng dẫn cụ thể./.

(*Đính kèm Phụ lục tiêu chí xét chọn về kim ngạch xuất khẩu tối thiểu năm 2022, mẫu Đơn đăng ký xét chọn “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022*).

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (VBĐT- báo cáo);
- Ban Giám đốc (VBĐT-báo cáo);
- Quản trị mạng Sở (đăng Website Sở);
- Lưu: VT, TM-XNK (HH).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phan Thị Thu Cúc**

**PHỤ LỤC**

**Tiêu chí xét chọn về kim ngạch xuất khẩu tối thiểu năm 2022**  
*(Kèm theo văn bản số /SCT-TMXNK ngày tháng 5 năm 2023*  
*của Sở Công Thương Khánh Hòa)*

TT	Tên mặt hàng	Tiêu chí KNXK tối thiểu năm 2022 (USD)
1	Gạo	9,300,000
2	Cà phê	11,450,000
3	Cao su	7,300,000
4	Hạt tiêu	4,450,000
5	Hạt điều	8,250,000
6	Chè các loại	1,150,000
7	Rau, củ, quả và các sản phẩm từ rau, củ, quả	3,400,000
8	Sản phẩm thịt, sữa	1,250,000
9	Thủy sản	14,650,000
10	Sản phẩm gỗ	20,100,000
11	Dệt may	28,050,000
12	Giấy dếp	37,200,000
13	Thủ công mỹ nghệ	3,950,000
14	Bánh kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc	3,500,000
15	Sản phẩm chất dẻo	6,650,000
16	Giấy và sản phẩm từ giấy	4,850,000
17	Xơ, sợi dệt các loại	4,750,000
18	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	38,000,000
19	Dây điện và cáp điện	14,600,000
20	Vật liệu xây dựng (kim loại, sắt thép,...)	6,250,000
21	Sản phẩm cơ khí	8,250,000
22	Dược và thiết bị y tế	1,400,000
23	Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	4,750,000
24	Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	3,100,000
25	Điện thoại các loại và linh kiện	34,900,000
26	Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	5,150,000
27	Các mặt hàng khác (trừ khoáng sản)	10,000,000